

Bản án số: 406 /2019/DS-PT
Ngày: 13/5 /2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trí

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ngọc Hương
Ông Nguyễn Chí Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 471/DSPT ngày 02 tháng 10 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1230/2019/QĐPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2262/2019/QĐ-PT ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Vĩnh P**, sinh năm 1969

Địa chỉ: 456A khu phố B, tỉnh lộ B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Công Ph, theo ủy quyền ngày 22/02/2016

Địa chỉ: Số 2 Bis NTMK, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà **Mai Thị Kim C**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 2/28 VTT, khu phố B, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc C theo ủy quyền ngày 13/11/2018 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Bùi Thị Mỹ D**, sinh năm 1975

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Công Ph, theo ủy quyền ngày 29/01/2016.

Địa chỉ: Số 2 Bis NTMK, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Kevin Khanh Ng (Ng Khanh Kevin hoặc Nguyen Khanh D)

Địa chỉ: Số 26 đường NX, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. **Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu X**

Địa chỉ: 687 KVC, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đã giải thể.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Huỳnh Thị Ngọc T (có mặt)

4. **Ngân hàng Thương mại Cổ phần X Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng T tòa nhà V Center. Số 72 LTT, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Quốc V, theo ủy quyền ngày 10/12/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và trình bày của các đương sự, nội D vụ án như sau:

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng ông Trần Vĩnh P và bà Bùi Thị Mỹ D cho bà Mai Thị Kim C vay tiền nhiều lần cộng với số tiền làm ăn chung đến ngày 06/7/2010 là 4.287.140.000 đồng theo Giấy cam kết mượn tiền ngày 06/7/2010. Bà C cam kết thời hạn trả nợ đến ngày 15/8/2010, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ ông P đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không thực hiện. Để đảm bảo an toàn cho số tiền vay, ngày 20/9/2010 ông P yêu cầu bà C ký Hợp đồng hứa bán căn nhà số 91 TN, khu phố B, phường B, Quận H thuộc quyền sở hữu của bà C cho ông P và ký Hợp đồng ủy quyền số 21781 ngày 23/9/2010 tại Phòng Công chứng B về việc ủy quyền cho ông P liên hệ với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh T (gọi tắt là Ngân hàng X) để thực hiện nghĩa vụ thay bà C theo Hợp đồng thế chấp số 147/2010/EIBTĐU-TD/BĐTS ngày 20/8/2010. Vì vậy, bà D (vợ ông P) đồng ý nộp tiền trả lãi thay cho Công ty TNHH-TMDV Xuất nhập khẩu X (gọi tắt là Công ty Xuất nhập khẩu X) khoản vay 4.000.000.000 đồng từ tháng 10/2010. Sau nhiều lần bà C hứa sẽ bán nhà để trả nợ cho ông P nhưng bà C không thực hiện nên đến tháng 3/2011 bà D ngừng trả lãi cho ngân hàng.

Ông Trần Vĩnh P yêu cầu bà Mai Thị Kim C trả số tiền nợ gốc 4.287.140.000 (bốn tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn)

đồng và trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/8/2010 đến khi giải quyết xong vụ án, không yêu cầu ông KeVin Khanh Ng (chồng bà C) liên đới trả nợ vì đây là khoản nợ riêng của bà C.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà Mai Thị Kim C cho rằng: Khoảng năm 2010 bà C có vay của ông Trần Vĩnh P 2.700.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày để kinh doanh. Đến ngày 06/7/2010 hai bên tổng kết nợ gốc và lãi tổng cộng là 4.287.140.000 đồng. Bà C cam kết trả hết nợ vào ngày 15/8/2010. Ngày 20/8/2010, ông Trần Vĩnh P yêu cầu bà C ký Hợp đồng thế chấp nhà đất số 91 đường TN, khu phố B, phường B, Quận H thuộc sở hữu của bà C cho Ngân hàng X để đảm bảo cho Công ty Xuất nhập khẩu X vay 4.000.000.000 đồng để lấy tiền trả nợ cho ông P. Việc bà C thế chấp căn nhà nêu trên để đảm bảo cho Công ty Xuất nhập khẩu X vay 4.000.000.000 đồng của Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010 là để lấy tiền trả ông P và bà D theo Giấy cam kết mượn tiền ngày 06/7/2010.

Ngày 20/9/2010, bà C ký Hợp đồng hứa bán căn nhà số 91 TN, khu phố B, phường B, Quận H cho ông P với giá 08 tỷ đồng, ông P đặt cọc 04 tỷ đồng bằng hình thức trừ vào số tiền do bà C nợ ông P theo giấy vay tiền ngày 06/7/2010, đồng thời bà C ký Hợp đồng ủy quyền số 21781 ngày 23/9/2010 tại Phòng Công chứng số 3 về việc ủy quyền cho ông P liên hệ với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh T (gọi tắt là Ngân hàng X) để thực hiện nghĩa vụ thay cho bà C theo Hợp đồng thế chấp số 147/2010/EIBTĐU-TD/BĐTS ngày 20/8/2010. Như vậy, số tiền bà C nợ ông P theo giấy mượn tiền ngày 06/7/2010 đã chuyển thành tiền mua bán nhà theo hợp đồng hứa mua bán ngày 20/9/2010.

Ông Kevin Khanh Ng (chồng bà C) không liên quan đến số tiền vay của ông P và bà D. Căn nhà số 91 đường TN, khu phố B, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà C. Bà C và ông Kevin Khanh Ng đã ly hôn theo Quyết định số 2290/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân quận B.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Mỹ D do ông Phạm Công P đại diện đồng ý với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Bà D không yêu cầu đòi số tiền lãi đã trả cho Ngân hàng X thay cho Công ty Xuất nhập khẩu X của khoản vay 4.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010.

2. Ông Kevin Khanh Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản trình bày như sau: Ông Kevin Khanh Ng và bà Mai Thị Kim C đăng ký kết hôn năm 2008. Ông Kevin Khanh Ng không biết việc bà C vay tiền của ông P và bà D. Căn nhà số 91 đường TN, khu phố B, phường B, Quận H là tài sản riêng của bà C. Ông Kevin Khanh Ng không liên quan đến việc giải quyết vụ án, yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên TM-DV Xuất nhập khẩu X cho rằng:

Bà T và bà D, ông P là bạn làm ăn chung. Năm 2010, ông P và bà D có nhờ Công ty Xuất Nhập khẩu X do bà T làm giám đốc vay giúp bà C 4.000.000.000 đồng từ Ngân hàng X, để trả nợ cho ông P và bà D, bà C thế chấp nhà đất số 91 TN, khu phố B, phường B, Quận H. Ngày 20/8/2010, Ngân hàng giải ngân số tiền vay 4.000.000.000 đồng thì bà T ký lệnh chi tiền nhưng không nhận tiền. Khi ký lệnh chi tiền xong, thì bà C và bà D bảo bà T về trước nên bà T không biết ai nhận số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Quá trình vay bà T không nhận được thông báo của ngân hàng về việc trả lãi hàng tháng. Thực tế bà D trả lãi đến tháng 3/2011.

Năm 2011, Ngân hàng X khởi kiện Công ty Xuất nhập khẩu X đòi số tiền vay 4.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010, khi đó bà C cam kết sẽ trả hết nợ và lãi cho Ngân hàng, tuy nhiên bà C không thực hiện.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) do ông Hồ Quốc Vương đại diện trình bày:

Ngày 12/8/2010, Ngân hàng X và Công ty Xuất nhập khẩu X ký Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926, hạn mức vay 6.800.000.000 đồng. Ngày 20/8/2010, hai bên ký khế ước nhận nợ với ngân hàng 4.000.000.000 đồng được bảo đảm bằng tài sản thế chấp nhà đất số 91 TN, phường B, Quận H thuộc sở hữu của bà Mai Thị Kim C theo Hợp đồng thế chấp số 147/2010/EIBTĐU-TD/BĐTS ngày 20/8/2010. Ngày 20/8/2010, Ngân hàng đã giải ngân chuyển khoản số tiền cho vay 4.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Xuất Nhập khẩu X. Cùng ngày 20/8/2010, bà T ký lệnh chi nhận toàn bộ số tiền trên.

Bà D là người thanh toán tiền lãi của số tiền vay nêu trên từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011.

Năm 2011, Ngân hàng X đã khởi kiện Công ty Xuất nhập Khẩu X đòi 4.000.000.000 đồng vay theo Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010 và đã được giải quyết theo Bản án phúc thẩm số 88/2012/KDTM-PT ngày 22/02/2012 của Tòa phúc thẩm tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đã thi hành án phát mãi tài sản thế chấp nhà và đất số 91 TN, phường B, Quận H để thu hồi nợ. Công ty X còn nợ lãi phát sinh đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận H đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Vĩnh P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Mỹ D.

2. Buộc bà Mai Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Vĩnh P, bà Bùi Thị Mỹ D tiền gốc là 4.287.140.000 (bốn tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng và tiền lãi là 2.577.642.925 (hai tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng; tổng cộng là 6.864.782.925 (sáu tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án trả tiền, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/5/2017, bà Mai Thị Kim C gửi đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu làm rõ sau khi ngân hàng giải ngân số tiền vay 4 tỷ đồng bà Tâm ký lệnh chi tiền nhưng ai là người nhận tiền của bà Huỳnh Thị Ngọc T tại ngân hàng X chi nhánh T. Ngoài ra cấp sơ thẩm chưa làm một số tình tiết có liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bà Mai Thị Kim C giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu giải quyết hủy Hợp đồng hứa bán căn ngày 20/9/2010 đối với nhà đất số 91 TN, khu phố B, phường B, Quận H. Vì theo thỏa thuận ông P (bên mua) đặt cọc 04 tỷ đồng bằng hình thức trừ vào số tiền bà C nợ 04 tỷ đồng theo giấy vay tiền ngày 06/7/2010. Đồng thời bà C ký Hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2010 ủy quyền cho ông P liên hệ với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh T để thực hiện nghĩa vụ cho bà C theo Hợp đồng thế chấp số 147/2010/EIBTĐU-TD/BĐTS ngày 20/8/2010. Như vậy, số tiền bà C nợ ông P theo giấy mượn tiền ngày 06/7/2010 đã chuyển thành tiền mua bán nhà theo hợp đồng mua bán ngày 20/9/2010.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội D: Bà Mai Thị Kim C có yêu cầu hủy Hợp đồng hứa bán căn ngày 20/9/2010 đối với nhà đất số 91 TN, khu phố B, phường B, Quận H và hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2010 giữa bà C và ông P. Các yêu cầu trên phải được xem xét giải quyết trong cùng vụ án mới bảo đảm đúng pháp luật và bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự và làm rõ các nội D như nhận định của cấp giám đốc thẩm. Đề nghị hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo bà Mai Thị Kim C gửi trong hạn luật định, hợp pháp theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng:

[2] Sau khi Tòa án nhân dân Quận H xét xử theo Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 21/4/2017. Ngày 05/5/2017, bà Mai Thị Kim C gửi đơn kháng cáo, đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo Bản án số 710/2017/DS-PT ngày 08/8/2017.

Ngày 07/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị số 43/2018/KNGĐT đối với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên.

Ngày 28/5/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm số 710/2017/DS-PT ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao Hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại phúc thẩm.

Về nội dung:

[3] Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Vĩnh P và bà Bùi Thị Mỹ D với bà Mai Thị Kim C phát sinh từ giấy cam kết mượn tiền do bà C ký ngày 06/7/2010, có nội D: “Bà C vay của ông Trần Vĩnh P 4.287.140.000 đồng và cam kết trả nợ đến ngày 15/8/2010...”. Quá trình giải quyết vụ án qua các giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm trước đây cũng như lần xét xử sơ thẩm theo Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận H, bà C cho rằng: Ngày 20/8/2010, ông Trần Vĩnh P và bà D yêu cầu bà C thế chấp nhà đất số 91 đường TN, khu phố B, phường B, Quận H thuộc sở hữu của bà C cho Ngân hàng X để đảm bảo cho Công ty Xuất nhập khẩu X vay 4.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010 để lấy tiền trả nợ cho ông P theo giấy vay tiền nêu trên. Ngày 20/8/2010, ngân hàng X giải ngân số tiền vay 4.000.000.000 đồng bà T chỉ ký lệnh chi tiền nhưng thực tế bà T không nhận tiền. Sau khi ký lệnh chi tiền tại ngân hàng thì bà T đi về còn bà C và bà D ở lại. Bà D là người nhận số tiền 4.000.000.000 đồng do ngân hàng giải ngân để trừ khoản nợ của bà C theo giấy cam kết mượn tiền ngày 06/7/2010. Do đó, bà C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phúc.

[4] Bà Huỳnh Thị Ngọc T cho rằng: Không biết bà C, bà T có quan hệ làm ăn với ông P và bà D. Năm 2010, bà D và ông P nhờ Công ty Xuất nhập khẩu X do bà T làm giám đốc đứng tên vay 4.000.000.000 đồng của Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010. Hồ sơ vay vốn cho bà D thực hiện toàn bộ, có thế chấp nhà đất số 91 đường TN, khu phố B, phường B, Quận H, thuộc sở hữu của bà C. Ngày 20/8/2010, ngân hàng giải ngân số tiền vay 4.000.000.000 đồng bà T chỉ ký lệnh chi tiền nhưng thực tế không nhận tiền. Sau khi ký lệnh chi tiền tại ngân hàng, bà C và bà D bảo bà T đi về còn bà C và bà D ở lại nhận tiền. Quá trình vay bà T không nhận được thông báo của ngân hàng về việc trả lãi hàng tháng. Thực tế bà D là người trả lãi từ khi ngân hàng giải ngân số tiền vay đến tháng 3/2011.

[5] Nguyên đơn ông Trần Vĩnh P và bà Bùi Thị Mỹ D cho rằng: không liên quan Hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010 giữa Ngân hàng X với Công ty DV-XNK X. Bà D không nhận số tiền 4.000.000.000 đồng do ngân hàng giải ngân ngày 20/8/2010.

[6] Như vậy, vấn đề mâu thuẫn cần làm rõ là Công ty Xuất nhập khẩu X do bà T làm giám đốc (bên vay) không nhận được thông báo của ngân hàng về việc trả lãi hàng tháng. Bà D thừa nhận đã trả lãi cho ngân hàng từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011. Tại sao bà D phải đứng ra trả lãi hàng tháng cho ngân hàng

của số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm bà D, ông P cũng không yêu cầu đòi số tiền lãi đã trả cho ngân hàng nêu trên. Nếu bà D không liên quan đến hợp đồng tín dụng số 1802-LAV-201000926 ngày 12/8/2010 giữa Ngân hàng X với Công ty Xuất nhập khẩu X thì tại sao bà D lại có mặt tại ngân hàng cùng với bà T và bà C vào đúng thời điểm ngân hàng giải ngân số tiền vay 4.000.000.000 đồng. Tại sao ông P chồng bà D lại viết giấy cam kết ngày 20/02/2012 sẽ trả án phí thay cho Công ty Xuất nhập khẩu X trong vụ án giữa Ngân hàng X kiện Công ty Xuất nhập khẩu X đối với hợp đồng tín dụng nêu trên, đã được giải quyết theo Bản án phúc thẩm số 88/2012/KDTM-PT ngày 22/02/2012 của Tòa phúc thẩm tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Ngoài ra, ngày 20/9/2010, bà X ký Hợp đồng hứa bán căn nhà số 91 TN, khu phố B, phường B, Quận H cho ông P với giá 08 tỷ đồng. Ông P đặt cọc 04 tỷ đồng bằng hình thức trừ vào số tiền bà C nợ 04 tỷ đồng theo giấy vay tiền ngày 06/7/2010. Số tiền còn lại 04 tỷ đồng ông P sẽ thanh toán số tiền vay cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Từ thỏa thuận trên, ngày 23/9/2010 bà C ký Hợp đồng ủy quyền cho ông P liên hệ với Ngân hàng X -Chi nhánh T để thực hiện nghĩa vụ thay cho bà C theo Hợp đồng thế chấp số 147/2010/EIBTĐU-TD/BĐTS ngày 20/8/2010. Như vậy, số tiền bà C nợ ông P theo giấy mượn tiền ngày 06/7/2010 có liên quan đến tiền mua bán nhà theo hợp đồng mua bán ngày 20/9/2010.

Tại cấp phúc thẩm, bà Mai Thị Kim C có yêu cầu giải quyết Hợp đồng hứa bán căn ngày 20/9/2010 đối với nhà đất số 91 TN, khu phố B, phường B, Quận H và hủy Hợp đồng ủy quyền số 21781 ngày 23/9/2010 tại Phòng Công chứng B, về việc bà C ủy quyền cho ông P liên hệ với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh T để thực hiện nghĩa vụ thay cho bà C theo Hợp đồng thế chấp số 147/2010/EIBTĐU-TD/BĐTS ngày 20/8/2010 nhưng ông P không thực hiện dẫn đến ngân hàng phát mãi căn nhà của bà C gây thiệt hại cho bà C. Xét yêu cầu của bà C phải được xem xét giải quyết trong cùng vụ án mới bảo đảm đúng pháp luật và bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự.

[8] Từ các căn cứ và nhận định trên, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và làm rõ các nội dung như nhận định của cấp giám đốc thẩm cần phải hủy án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Bà Mai Thị Kim C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 148; Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Bà Mai Thị Kim C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà C tiền tạm ứng phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0008026 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H.

- Án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Trí